

Số: 1308/QĐ-SNN

Hà Nội, ngày 14 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách
Quý II năm 2020 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội**

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT HÀ NỘI

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 28/2016/QĐ-UBND ngày 01/8/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 6999/QĐ-UBND ngày 06/12/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2020 của thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách Quý II năm 2020 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội có trách nhiệm công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách Quý I năm 2020 của đơn vị theo đúng quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 3 Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở; Trưởng các phòng: Kế hoạch - Tài chính, Quản lý xây dựng công trình; Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính Hà Nội;
- Các đ/c lãnh đạo Sở;
- Website Sở NN và PTNT;
- Lưu: VT, KHTC_(Quyết).

GIÁM ĐỐC



Chu Phú Mỹ

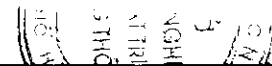
CÔNG KHAI TÍNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐẾN THỜI ĐIỂM QUÝ II-NĂM 2020

Của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

(kèm theo Quyết định số 1308/QĐ-SNN ngày 14/7/2020 của Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	Cộng DT năm 2020	Dự toán đã giao	Dự toán còn lại chưa giao	Tình hình thực hiện dự toán (15/7)	Tỷ lệ % giữa TH với DT năm	Tỷ lệ % giữa TH với số đã giao
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	2.003.213.000.000	1.915.714.000.000	87.499.000.000	616.606.983.697	30,78	32,19
1	Chi quản lý hành chính	221.297.000.000	218.311.000.000	2.986.000.000	89.875.023.697	40,61	41,17
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	160.157.000.000	160.157.000.000		77.327.185.197	48,28	48,28
	Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT, BHYTN...)	84.840.000.000	84.840.000.000		51.533.998.197		
	<i>Trong đó: Kinh phí ngân sách Thành phố bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương</i>	<i>7.302.000.000</i>	<i>7.302.000.000</i>				
	Chi khác ngoài lương	75.317.000.000	75.317.000.000		25.793.187.000		
	<i>Trong đó: 10% tiết kiệm để cải cách tiền lương (1)</i>	<i>7.532.000.000</i>	<i>7.532.000.000</i>				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	61.140.000.000	58.154.000.000	2.986.000.000	12.547.838.500	20,52	21,58
*	<i>Chi nghiệp vụ</i>	<i>28.895.000.000</i>	<i>25.909.000.000</i>	<i>2.986.000.000</i>	<i>11.268.131.000</i>		
*	<i>Chi mua sắm, sửa chữa TSCĐ (theo danh mục đính kèm)</i>	<i>13.315.000.000</i>	<i>13.315.000.000</i>		<i>1.279.707.500</i>	9,61	9,61
*	<i>Chi cải tạo, sửa chữa CXC các công trình (theo danh mục đính kèm)</i>	<i>18.930.000.000</i>	<i>18.930.000.000</i>				
2	Chi sự nghiệp kinh tế	1.763.624.000.000	1.693.239.000.000	70.385.000.000	526.717.960.000	29,87	31,11
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (2)	140.363.000.000	140.363.000.000		60.842.240.000	43,35	43,35
	Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT, BHYTN...)	86.977.000.000	86.977.000.000		44.822.940.000		
	<i>Trong đó: Kinh phí ngân sách Thành phố bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương</i>	<i>12.347.000.000</i>	<i>12.347.000.000</i>				
	Chi khác ngoài lương	53.386.000.000	53.386.000.000		16.019.300.000		
	<i>Trong đó: 10% tiết kiệm để cải cách tiền lương (1)</i>	<i>4.152.000.000</i>	<i>4.152.000.000</i>				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.623.261.000.000	1.552.876.000.000	70.385.000.000	465.875.720.000	28,70	30,00
*	<i>Chi nghiệp vụ</i>	<i>1.367.958.000.000</i>	<i>1.297.573.000.000</i>	<i>70.385.000.000</i>	<i>458.542.020.000</i>	33,52	35,34
*	<i>Chi mua sắm, sửa chữa TSCĐ (theo danh mục đính kèm)</i>	<i>12.226.000.000</i>	<i>12.226.000.000</i>		<i>1.571.700.000</i>	12,86	12,86
*	<i>Chi cải tạo, sửa chữa CXC các công trình (theo danh mục đính kèm)</i>	<i>243.077.000.000</i>	<i>243.077.000.000</i>		<i>5.762.000.000</i>	2,37	2,37
3	Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng (loại 070, khoản 085)	4.292.000.000	4.164.000.000	128.000.000	14.000.000	0,33	0,34
4	Chương trình mục tiêu Quốc gia Giảm nghèo bền vững	14.000.000.000		14.000.000.000			
5	Kinh phí tình giảm biên chế (loại 430, khoản 436)						



CÔNG KHAI TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐẾN THỜI ĐIỂM QUÝ II NĂM 2020
Của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

(kèm theo Quyết định số 1308 /QĐ-SNN ngày 14/7/2020 của Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2020	Dự toán đã giao	Tình hình thực hiện dự toán (15/7)	Tỷ lệ % giữa TH với DT năm	Tỷ lệ % giữa TH với số đã giao
	Tổng số					
A	Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí					
I	Số thu phí, lệ phí	24.645	24.645	8.458	34,32	34,32
1	Lệ phí	50	50	8	16,00	16,00
2	Phí	24.595	24.595	8.450	34,36	34,36
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại					
*	<i>Chi quản lý hành chính</i>	<i>21.949</i>	<i>21.949</i>	<i>6.483</i>	<i>29,54</i>	<i>29,54</i>
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	21.949	21.949	6.483		
	<i>Trong đó: Dành nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2019 theo quy định</i>	<i>3.300</i>	<i>3.300</i>			
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
1	Lệ phí					
2	Phí	21.949	21.949	6.483	29,54	29,54
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	2.696	2.696	1.026	38,06	38,06
1	Lệ phí	50	50	8	16,00	16,00
2	Phí	2.646	2.646	1.018	38,47	38,47

